| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 201/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2017
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Loan Trần Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Trương Thị Thìn

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa*** *tham gia phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Tâm-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 563/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2017/315/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Tuyết A** – sinh năm 1976

Địa chỉ: khu phố 4, phường S, thành phố I, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: đường C, khu phố E, phường F, thị xã G, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn B** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: khu phố 4, phường S, thành phố I, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A, anh B có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/03/2017, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết A trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn B kết hôn năm 1994, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường S, thành phố I. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B không chăm lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn để duy trì tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không thể khắc phục, không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân gần 2 năm nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn với anh B để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Tuyết T – sinh ngày 29/9/1994 và cháu Huỳnh Hữu Quốc W – sinh ngày 24/4/1998. Do hai con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

***Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn anh B trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như chị A trình bày, anh và chị Đặng Thị Tuyết A kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố I. Trong quá trình chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 chị A có quan hệ với người đàn ông khác, do anh và chị A sống cùng với mẹ vợ, và mẹ vợ anh biết được nên đã khuyên can chị A nhưng chị A không nghe còn đánh lại mẹ, anh có can ngăn thì chị A quay lại đánh anh, anh gạt ra nên trúng vào mặt chị A, sau đó chị A bỏ đi ở hẳn với người đàn ông đó. Hiện nay anh thấy tình cảm của anh với chị A vẫn còn nên anh muốn Tòa án hòa giải khuyên can chị A về để chăm sóc gia đình, anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Tuyết T – sinh ngày 29/9/1994 và cháu Huỳnh Hữu Quốc W – sinh ngày 24/4/1998. Do hai con chung đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị A. Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Tuyết A và anh Huỳnh Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân phường S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 145 quyển số 06 ngày 06/12/1994 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, xét thấy: Quá trình chung sống chị A cho cho rằng do anh B không chăm lo làm ăn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nhưng anh B thì cho rằng năm 2016 chị A có quan hệ với người đàn ông khác, do anh và chị A sống cùng với mẹ vợ, và mẹ vợ anh biết được nên đã khuyên can chị A nhưng chị A không nghe còn đánh lại mẹ, anh có can ngăn thì chị A quay lại đánh anh, anh gạt ra nên trúng vào mặt chị A, sau đó chị A bỏ đi ở hẳn với người đàn ông đó. Qua xác minh tại địa phương thì cho rằng giữa anh B chị A cũng thường xảy ra to tiếng do bất đồng về kinh tế và tình cảm, vào khoảng tháng 8/2016 thì anh B có đánh chị A và chị A đã bỏ nhà đi cho đến nay. Tuy nhiên, theo biên bản làm việc ngày 12/4/2017, bà Đặng Thị Y là mẹ ruột chị A cho biết sau khi kết hôn vợ chồng chị A, anh B sống chung với bà, giữa vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2016 chị A có quan hệ với một người đàn ông khác và bỏ đi chơi bời nhậu nhẹt suốt đêm không quan tâm gì cho gia đình, bà có khuyên can chị A nhưng chị A không nghe còn đánh bà, anh B can ngăn thì đánh luôn anh B, anh B có gạt tay ra trúng mặt chị A. Mặt khác, tại phiên tòa chị A thừa nhận có sự việc chị đi nhậu nhẹt, có khi qua đêm bên ngoài, mẹ chị không đồng ý nên có đánh đuổi chị nên chị đi khỏi nhà cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn của chị A và anh B chưa thực sự trầm trọng, việc chị A bỏ nhà đi cũng không xuất phát từ mâu thuẫn của vợ chồng, anh B xác định vẫn còn thương vợ nên mong muốn chị A quay về, nên cần tạo điều kiện để các bên có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ. Do đó bác yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết A xin ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

[2] Về con chung: Do bác yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết A xin ly hôn với anh Huỳnh Văn B nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Do bác yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết A xin ly hôn anh Huỳnh Văn B nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Do bác yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết A xin ly hôn anh Huỳnh Văn B nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Tuyết A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết A xin ly hôn anh Huỳnh Văn B.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không đặt ra xém xét giải quyết.

Về nợ chung: Không đặt ra xém xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị Tuyết A phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 008581 ngày 20/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Loan Trần Hải Yến**